

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp

nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Phan Thị Mây

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị L**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản Piềng Tật, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số: 0383000210xx; Cấp ngày: 14/5/2023; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lò Xuân T**, sinh năm 1996.

Nơi thường trú: Bản Piềng Tật, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 0380960167xx; Cấp ngày: 29/12/2022; nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Hiện nay đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Phường An Hưng, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Lương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lò Xuân T tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, anh chị sống chung với nhau từ năm 2019 và đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2021 tại UBND xã Mường Chanh, huyện Mường Lát. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian dài và có 01 con chung. Đến khoảng đầu năm 2023, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần chị cũng đã chịu đựng và nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không cải thiện được. Nay, chị cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bế tắc, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh T nữa và chị cũng cảm nhận anh T cũng không còn tình cảm với chị nữa nên mới đối xử với chị như vậy. Hơn nữa, trong thời gian vợ chồng sống ly thân (tháng 02/2023 trở đi), anh T đi làm công ty, lại chơi bời cùng bạn bè xấu, đã lâm vào tệ nạn xã hội và đến đầu năm 2024 đã bị bắt giam và bị xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù. Nay, chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nguyên vọng của chị là muốn được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Xuân T để giải thoát cho cả hai và để chị yên tâm lo cho cuộc sống nuôi dạy con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống và hôn nhân, chị và anh Lò Xuân T có 01 con chung là cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019, hiện cháu đang ở với chị.

Để đảm bảo việc học hành, ổn định tâm sinh lý và môi trường sống ổn định của cháu, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Lò Thị Ngọc K cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Lò Xuân T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lương Thị L tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, anh chị sống chung với nhau từ năm 2019 và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2021 tại UBND xã Mường Chanh, huyện Mường Lát. Trong cuộc sống hôn nhân thì vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian. Đến khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người

một ý kiến, dẫn đến hay cãi vả lẫn nhau. Sau đó, hai vợ chồng đã sống ly thân, anh đi làm công ty, do bạn bè rủ rê, đã không kìm được bản thân và đã sử dụng ma túy. Đến đầu năm 2024 đã bị bắt giam và bị xét xử về tội “Tổ chức sử dụng chất ma túy” và hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù có thời hạn tại Phân trại số 4, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Phường An Hưng, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Nay, anh cảm thấy không còn tình cảm với chị L nữa và anh cũng cảm nhận chị L cũng không còn tình cảm với anh. Nguyện vọng của anh là muốn được Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị L để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019, hiện cháu đang ở với chị L. Hiện nay anh đang phải chấp hành án không có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, nên đề nghị Tòa án giao cháu Lò Thị Ngọc K cho chị Lương Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đồng ý với đề nghị của chị Lành, là anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019 chưa đủ 07 tuổi, nên chưa có bản nguyện vọng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị L đối với anh Lò Xuân T.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị Lương Thị L và anh Lò Xuân T có 01 người con chung, chị L có nguyện vọng được nuôi con và anh T cũng đồng ý, nên nghị HĐXX giao cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019 cho chị Lương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Lò Xuân T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh

Lò Xuân T được quyền và nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị Lương Thị Lành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị L có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con với anh Lò Xuân T, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh Lò Xuân T đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong nên không thể tham gia phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và anh đã có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lương Thị L là Nguyên đơn; Anh Lò Xuân T là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn, đơn đề nghị xác định mâu thuẫn ở địa phương và quá trình giải quyết vụ án thì: Chị Lương Thị L và anh Lò Xuân T tự do tìm hiểu, yêu đương, đến sống chung với nhau từ năm 2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Chanh, huyện Mường Lát vào ngày 22/02/2021, nên đây là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Chị L và anh T chung sống với nhau được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh chị đã sống ly thân từ đó, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan

tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền xã Mường Chanh, huyện Mường Lát xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Năm 2024 anh T bị bắt và bị xét xử về tội “Tổ chức sử dụng chất ma túy” và hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 4, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Phường An Hưng, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị Lương Thị L nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lò Xuân T. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Xuân T cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại Bản tự khai, anh Lò Xuân T đồng ý ly hôn với chị Lương Thị L, nhưng do chị Lương Thị L đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải cho anh chị được, nên phải giải quyết cho anh chị được ly hôn bằng bản án.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lương Thị L và anh Lò Xuân T có 01 con chung, là cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019. Cháu Lò Thị Ngọc K chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản nguyện vọng. Tại bản tự khai của các đương sự, thì các đương sự đã tự nguyện thống nhất, đó là giao cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019 cho chị Lương Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh Lò Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc các đương sự thống nhất giao cháu Lò Thị Ngọc K cho cho chị Lương Thị L là người chăm sóc giáo dục là hợp lý, nên HĐXX nên chấp nhận đề nghị này của các đương sự.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số (Thái) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L.

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Lò Xuân T.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 19/5/2019 cho chị Lương Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lò Xuân T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Lò Xuân T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; chị Lương Thị L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình cho chị Lương Thị L.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt đương sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Mường Chanh, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

